

DỰ THẢO

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông  
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;
- Căn cứ Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

Ban Kiểm soát (BKS) Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông kết quả công tác kiểm tra, giám sát năm 2024 và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2025 như sau:

**Phần A: Báo cáo kết quả hoạt động, kết quả công tác kiểm tra, giám sát của BKS**

**1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)**

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động năm 2024, kết quả giám sát thực tế tại PVTrans và báo cáo tài chính của PVTrans đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, BKS đã thực hiện công tác giám sát định kỳ, lập báo cáo hàng quý và thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 (nội dung thẩm định BCTC được đính kèm báo cáo này). Trong năm 2024, tình hình hoạt động kinh doanh của PVTrans thực hiện như sau:

**1.1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh**

Với sự nỗ lực cố gắng của tập thể CBNV, thuyền viên, Tổng công ty PVTrans đã chủ động triển khai các giải pháp kinh doanh linh hoạt, tận dụng cơ hội thị trường, vượt qua thách thức để đảm bảo hoạt động an toàn và hiệu quả. Nhờ đó, PVTrans không chỉ duy trì hoạt động kinh doanh ổn định mà còn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024, cụ thể:

**a. Kết quả thực hiện kế hoạch Tổng công ty năm 2024 (hợp nhất)**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024		Tỷ lệ % TH/KH năm 2024
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh thu	8.800	12.303	140%
2	Lợi nhuận trước thuế	950	1.868	197%
3	Lợi nhuận sau thuế	760	1.470	193%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	354	645	182%

PVTrans đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được giao, cụ thể:

- Chỉ tiêu doanh thu đạt 12.303 tỷ đồng, tương đương 140% kế hoạch năm;
- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 1.868 tỷ đồng, tương đương 197% kế hoạch năm; Lợi nhuận sau thuế đạt 1.470 tỷ đồng, tương đương 193% kế hoạch năm;
- Chỉ tiêu nộp NSNN đạt 645 tỷ đồng, tương đương 182% kế hoạch năm.

#### **b. Kết quả thực hiện kế hoạch Công ty mẹ năm 2024**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024		Tỷ lệ %TH/KH năm 2024
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh thu	2.800	3.666	131%
2	Lợi nhuận trước thuế	560	760	136%
3	Lợi nhuận sau thuế	458	626	137%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	211	270	128%

Công ty mẹ PVTrans đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được giao, cụ thể:

- Chỉ tiêu doanh thu đạt 3.666 tỷ đồng, tương đương 131% kế hoạch năm;
- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 760 tỷ đồng, tương đương 136% kế hoạch năm; Lợi nhuận sau thuế đạt 626 tỷ đồng, tương đương 137% kế hoạch năm;
- Chỉ tiêu nộp NSNN đạt 270 tỷ đồng, tương đương 128% kế hoạch năm.

#### **c. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của các Đơn vị Thành viên/Trực thuộc (ĐVTV/TT)**

Công ty mẹ PVTrans đã chỉ đạo quyết liệt các ĐVTV/TT mở rộng đầu tư đội tàu, nắm bắt cơ hội thị trường và triển khai hiệu quả các kế hoạch kinh doanh. Nhờ sự chỉ đạo sát sao của HĐQT Tổng công ty cũng như sự chủ động và linh hoạt của Người đại diện phần vốn/Giám đốc chi nhánh, hoạt động kinh doanh của các ĐVTV/TT đã đạt được những kết quả ấn tượng, cụ thể:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Stt	Tên công ty	Năm 2023		Thực hiện năm 2024		% So sánh	
		Doanh thu	LNTT	Doanh thu	LNTT	Doanh thu	LNTT
1	Thái Bình Dương	1.731	235	1.853	268	107%	114%
2	Nhật Việt	2.182	179	2.592	255	119%	142%
3	Gas Shipping	1.811	106	2.294	126	127%	119%
4	Phuong Nam	1.085	92	1.418	130	131%	141%
5	Phuong Đông Việt	1.116	80	1.552	280	139%	350%
6	Hàng Hải Thăng Long	379	42	444	29	117%	69%
7	PVT Đông Dương	267	14	306	31	115%	220%
8	PVT Hà Nội	460	80	484	70	105%	88%
9	PVT Quảng Ngãi	188	4	188	4	100%	100%

#### **d. Các chỉ số tài chính hợp nhất:**

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
1	Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)	0,48	0,48
2	Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu (lần)	0,91	0,94
3	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,70	1,79
4	Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	1,79	1,86
5	Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	2,10	2,07
6	ROE (%)	15,14%	14,34%
7	ROA (%)	7,87%	7,70%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS) (%)	11,95%	12,06%

#### ***Về mức độ độc lập tài chính:***

- Hệ số Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn không thay đổi so với năm trước (dưới mức 0,5 lần). Điều này cho thấy mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính của PVTrans vẫn ổn định.

- Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu giảm nhẹ so với năm trước, PVTrans vẫn đang duy trì mức độ độc lập tài chính ở mức cao và đang giảm bớt sự phụ thuộc vào nợ.

#### ***Về khả năng thanh toán:***

- Khả năng thanh toán nhanh và Khả năng thanh toán hiện thời của Tổng công ty có giảm nhẹ so với năm trước, tuy nhiên các hệ số này vẫn đang ở mức cao (>1,7 lần). Điều này cho thấy PVTrans có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Khả năng thanh toán tổng quát của PVTrans duy trì ở mức cao (>2 lần). Với tổng tài sản gấp đôi tổng nợ, cho thấy khả năng tài chính tổng thể của Tổng công ty là rất tốt.

#### ***Về khả năng sinh lời:***

Nhìn chung, Tổng công ty duy trì khả năng sinh lời tích cực và có xu hướng tăng theo thời gian. Các chỉ số ROE và ROA năm 2024 đều tăng so với năm 2023, cho thấy Tổng công ty đang quản lý vốn hiệu quả.

### **1.2. Kết quả SXKD theo từng lĩnh vực hoạt động**

#### **a. Vận tải dầu thô**

Ở thị trường nội địa, PVTrans tiếp tục vận chuyển dầu thô cho BSR từ các mỏ nội địa về NMLD Dung Quất với tổng sản lượng ước đạt 5,1 triệu tấn. Ở thị trường vận tải quốc tế, PVTrans tiếp tục khai thác an toàn, hiệu quả theo hình thức cho thuê tàu chuyên và định hạn trên các tuyến quốc tế.

#### **b. Vận tải dầu sản phẩm**

Năm 2024, PVTrans vận chuyển xăng dầu trong nước từ NMLD Dung Quất và NMLHD Nghi Sơn cho PVOil với tổng sản lượng đạt 1,9 triệu tấn. Ngoài ra, PVTrans

còn đưa các tàu ra khai thác tuyến quốc tế thông qua các hình thức cho thuê chuyển và cho thuê định hạn.

### **c. Vận hóa chất**

Đội tàu hóa chất của PVTrans chủ yếu hoạt động trên các tuyến quốc tế. Ngoài hình thức cho thuê định hạn, PVTrans còn thực hiện đưa tàu vào khai thác trong các hiệp hội tanker pool, tận dụng cơ hội thị trường để đem lại hiệu quả hoạt động cao hơn.

### **d. Vận tải LPG**

PVTrans vận chuyển an toàn, hiệu quả toàn bộ sản lượng LPG cho Tổng Công ty PVGas, Công ty BSR và nhà máy GPP Cà Mau, tổng sản lượng vận chuyển ước đạt 1,3 triệu tấn. PVTrans tiếp tục khai thác vận chuyển khí hóa lỏng tuyến quốc tế theo hình thức cho thuê chuyển và cho thuê định hạn.

### **e. Vận tải hàng rời**

PVTrans tiếp tục khai thác các tàu hàng rời trên tuyến quốc tế thông qua hình thức cho thuê định hạn.

### **f. Dịch vụ kỹ thuật hàng hải dầu khí FSO/FPSO**

PVTrans thực hiện tốt việc vận hành ổn định, an toàn tàu FSO PVN Đại Hùng Queen tại mỏ Đại Hùng, duy trì tỷ lệ thời gian uptime đạt 100%, không để xảy ra tai nạn sự cố hoặc dừng sản xuất do lỗi kỹ thuật của tàu, góp phần vào hoạt động khai thác an toàn và ổn định của mỏ. Đối với việc quản lý vận hành dự án Sao Vàng Đại Nguyệt, PVTrans đã phối hợp chặt chẽ với khách hàng để duy trì hoạt động và tích cực đáp ứng tối đa các yêu cầu của khách hàng.

## **1.3. Về công tác đầu tư**

### **a. Đầu tư tàu**

Tổng công ty đã đầu tư được 08 tàu, trong đó Công ty mẹ PVTrans đầu tư 02 tàu bao gồm: 01 tàu dầu sản phẩm và 01 tàu hàng rời Supramax. Các đơn vị thành viên của PVTrans thực hiện đầu tư 06 tàu gồm: 01 tàu dầu sản phẩm, 01 tàu dầu/hóa chất, 03 tàu hàng rời, 01 tàu LPG và đã nhượng bán 01 tàu dầu/hóa chất.

Đối với các dự án đầu tư tàu có trong kế hoạch nhưng chưa thể triển khai: do yếu tố thị trường mua bán tàu không thuận lợi, nhưng PVTrans chuẩn bị sẵn sàng về thủ tục phê duyệt, thường xuyên cập nhật và tiếp tục chuyển tiếp sang năm 2025.

### **b. Đầu tư tài chính**

PVTrans giải ngân 231 tỷ đồng để góp vốn bổ sung vào các ĐTVT bao gồm Công ty Đông Dương, Công ty Hàng Hải Thăng Long và Công ty Phương Đông Việt, hoàn thành 88,2% kế hoạch đầu tư tài chính năm 2024.

### **c. Thoái vốn/giảm tỷ lệ sở hữu tại ĐTVT:**

PVTrans có chủ trương đến năm 2025 giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty Hàng Hải Thăng Long, nắm giữ tối thiểu trên 50% vốn điều lệ. Việc triển khai gặp khó khăn khi chưa tìm kiếm được nhà đầu tư phù hợp. Hiện tại, PVTrans đang sở hữu 99,85% vốn điều lệ tại đơn vị.

#### **1.4. Công tác tăng vốn điều lệ**

Trong năm 2024, PVTrans đã hoàn tất tăng vốn điều lệ từ 3.236 tỷ đồng lên 3.560 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ LNST chưa phân phối năm 2021, tỷ lệ 10% vốn điều lệ.

#### **1.5. Công tác tái cơ cấu doanh nghiệp**

PVTrans tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức quản lý quản trị theo hướng tinh gọn, hiệu quả, Công ty mẹ thực hiện vai trò định hướng chiến lược với toàn Tổng công ty. Việc quản lý vốn đầu tư tại các Công ty con được thực hiện thông qua cơ chế kiểm soát Người đại diện để phê duyệt các nội dung quan trọng, đồng thời giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược Tập đoàn/PVTrans đã đề ra. Công tác quản lý quản trị, điều hành chặt chẽ và hiệu quả, năng lực của các ĐVTV ngày càng cải thiện với sự chủ động, linh hoạt, tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong hoạt động SXKD.

#### **1.6. Công tác quản trị doanh nghiệp**

Tổng công ty và các ĐVTV/TT thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình quản trị theo hướng thiết thực, phù hợp với tình hình thực tế SXKD, phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm các cấp quản lý. Tổng công ty cũng đã hoàn thiện cơ chế kiểm soát, giám sát, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro thông qua việc nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm toán, quản lý rủi ro, tổ chức các đợt kiểm tra thường xuyên và đột xuất. HĐQT cũng tập trung đánh giá về rủi ro trong hoạt động SXKD, tính tuân thủ pháp luật của Người đại diện và công tác quản lý, quản trị.

### **2. Kết quả giám sát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc**

#### **\* Đối với HĐQT**

HĐQT tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy chế hoạt động của HĐQT, Điều lệ Tổng công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của cổ đông và của Tổng công ty.

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 75 cuộc họp hoặc xin ý kiến bằng văn bản để đưa ra những quyết định, chỉ đạo kịp thời trong việc thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tất cả các phiên họp, hồ sơ xin ý kiến bằng văn bản của HĐQT được tiến hành đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty. Nội dung họp, xin ý kiến bằng văn bản và các Nghị quyết/Quyết định tại các phiên họp đều là những vấn đề thuộc nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT ban hành phù hợp với các quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán. Các thành viên HĐQT cơ bản tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát, đôn đốc Ban Tổng giám đốc, Người đại diện tại các ĐVTV/Giám đốc Đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện công tác điều hành hoạt động SXKD tại Công ty mẹ và các ĐVTV/TT.

HDQT đã tăng cường phân cấp cho một số ĐVTV có tình hình quản lý, quản trị tốt nhằm khơi thông nguồn lực, tăng tính chủ động, linh hoạt gắn với trách nhiệm trong việc thực hiện các hoạt động SXKD, đầu tư tại ĐVTV.

**\* Đối với Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ theo đúng chức năng, thẩm quyền và phân cấp giữa HDQT và Ban Tổng giám đốc, tuân thủ quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Ban Tổng giám đốc có nỗ lực trong việc điều hành Tổng công ty, thực hiện các nội dung được ĐHĐCĐ/HDQT phê duyệt, triển khai hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả.

**3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HDQT**

BKS đã xem xét và đánh giá các báo cáo về tình hình kinh doanh cũng như công tác quản lý của HDQT Tổng công ty, nhận thấy các báo cáo này đảm bảo tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực và đáng tin cậy.

**4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HDQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông**

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HDQT, Ban TGD dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật và quy chế, quy định của Tổng công ty nhằm đảm bảo lợi ích của Tổng công ty và cổ đông.

HDQT và Ban TGD đã phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong công tác kiểm tra, giám sát. HDQT và Ban TGD cũng thường xuyên trao đổi và cung cấp đầy đủ thông tin, mời BKS tham gia các cuộc họp và thực hiện các khuyến nghị của BKS đưa ra.

Trong năm 2024, BKS không nhận được bất kỳ yêu cầu nào từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông về việc kiểm tra nội dung hay vụ việc cụ thể theo quy định tại Điểm 6, Điều 170 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 về quyền và nghĩa vụ của BKS.

**5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:** chi tiết được trình bày tại thuyết minh BCTC công ty mẹ năm 2024 đã kiểm toán. Các giao dịch này đã được phê duyệt về cơ bản theo đúng quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các quy định phát luật khác có liên quan, quy định của Điều lệ Tổng công ty; đồng thời được công bố thông tin theo quy định. Quá trình thực hiện các giao dịch này không phát sinh vướng mắc hoặc gây ảnh hưởng đến lợi ích của Tổng công ty.

## 6. Hoạt động của BKS

Hoạt động của BKS được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS; các thành viên BKS cùng chịu trách nhiệm chung đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của BKS. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc theo dõi, giám sát các hoạt động của Tổng công ty theo quy định.

BKS PVTrans hiện nay gồm có 03 thành viên, các thành viên BKS thực hiện chức trách, nhiệm vụ dựa trên sự phân công công việc cụ thể như sau:

### ***\* Bà Trương Thị Anh Đào – Trưởng BKS Tổng công ty***

Chịu trách nhiệm chung các hoạt động của BKS, thay mặt BKS ký ban hành các quyết định, văn bản của BKS; Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS; Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng quý/năm của BKS; Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, chiến lược kinh doanh của Tổng công ty, công tác lập kế hoạch hàng năm; Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty; Giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; Lập báo cáo định kỳ theo yêu cầu và một số báo cáo khác.

### ***\* Bà Nguyễn Thị Nhung – Thành viên BKS kiêm nhiệm***

Giám sát công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp tại Tổng công ty; Giám sát công tác đầu tư góp vốn; Lập báo cáo thẩm định BCTC; Thẩm định các chỉ tiêu tài chính để đánh giá hiệu quả hoạt động, việc sử dụng và bảo toàn vốn tại Tổng công ty; Hỗ trợ BKS cập nhật các thông tin về tình hình tài chính, tiền tệ trong và ngoài nước. Phối hợp với các đoàn kiểm tra khi thực hiện các đợt kiểm tra tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên khi được phân công.

### ***\* Bà Ngô Thị Thu Linh - Thành viên BKS kiêm nhiệm***

Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được Đại hội cổ đông phê duyệt; Giám sát công tác đầu tư góp vốn, công tác đầu tư phát triển các dự án hợp tác kinh doanh, dự án liên doanh liên kết của Tổng công ty; Phối hợp với các đoàn kiểm tra khi thực hiện các đợt kiểm tra tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên khi được phân công.

Trong năm 2024, BKS đã tổ chức 05 buổi họp trực tiếp. Trình tự, thủ tục và số lượng cuộc họp tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, quy chế hoạt động của BKS. Tất cả các cuộc họp đều được các thành viên tham gia đầy đủ. Cụ thể như sau:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng BKS	05	100%
2	Bà Nguyễn Thị Nhung	TV BKS	05	100%
3	Bà Ngô Thị Thu Linh	TV BKS	05	100%

BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát dựa trên kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 01-2024/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

- Thực hiện báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. Đề xuất danh sách các công ty kiểm toán độc lập trình ĐHĐCĐ lựa chọn để kiểm toán BCTC năm 2024 của Tổng công ty.

- Đánh giá tính độc lập và hiệu quả của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam, đơn vị kiểm toán độc lập được HĐQT lựa chọn kiểm toán BCTC năm 2024 thuộc danh sách được ĐHĐCĐ phê duyệt, đảm bảo tính khách quan, minh bạch và tuân thủ các quy định hiện hành.

- Thực hiện soát xét, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024; thẩm định báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2024.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và có những trao đổi, đề xuất, kiến nghị để HĐQT xem xét triển khai thực hiện nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và tối đa lợi ích của cổ đông.

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024, việc xây dựng và giao kế hoạch năm 2025 của Công ty mẹ và các ĐVTV.

- Giám sát công tác phê duyệt và triển khai các dự án đầu tư tại Công ty mẹ, phân cấp đầu tư và phê duyệt chủ trương đầu tư tại các ĐVTV.

- Giám sát việc thông qua và ký kết hợp đồng kinh tế với các bên có liên quan là ĐVTV của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, ĐVTV/TT của Tổng công ty ... đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh, công bằng và minh bạch.

- Giám sát tình hình rà soát, cập nhật các quy chế/quy trình quản lý nội bộ như Quy chế thương mại, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế đầu tư tài sản, Quy chế quản trị danh mục đầu tư, Khung quản trị rủi ro.

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo chuyên đề tại các ĐVTV trong Chương trình công tác năm 2024: Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (quý 2/2024), Công ty cổ phần Vận tải Nhật Việt (quý 3/2024) và Công ty cổ phần Hàng Hải Thăng Long (quý 4/2024).

BKS đã nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong kế hoạch hoạt động năm 2024, bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty; Duy trì mối quan hệ công tác và hợp tác/phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc; Thực hiện đầy đủ, kịp thời các báo cáo giám sát và báo cáo khác khi được yêu cầu. Các thành viên BKS làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Tổng công ty.

#### **Các kiến nghị của BKS đã nêu trong năm 2024**

- Tiếp tục tăng cường công tác tái cấu trúc theo hướng hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế, bám sát chiến lược phát triển Tổng công ty.



- Tiếp tục chỉ đạo xử lý các tài sản kém hiệu quả, chú trọng công tác đầu tư để trẻ hóa đội tàu, đồng thời nâng cao năng lực vận tải trong nước và quốc tế.
- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị, sử dụng hiệu quả dòng tiền, đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro thông qua việc ban hành các văn bản quy chế phù hợp.
- Theo dõi và bám sát thị trường vận tải để kịp thời nắm bắt cơ hội đầu tư tạo lợi thế cạnh tranh, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị phần.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các ĐVTV/TT.
- Ngoài ra còn một số khuyến nghị, trao đổi khác liên quan đến các hoạt động thường ngày và khuyến nghị thông qua các đợt kiểm tra chuyên đề, BKS đã trao đổi trực tiếp với HĐQT/TGĐ để xem xét chỉ đạo các bộ phận/phòng ban liên quan tiếp tục cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro ...đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và tối ưu hóa trong quá trình SXKD.

## **7. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và của từng thành viên của BKS**

Các thành viên BKS làm việc tại Tổng công ty, được sử dụng cơ sở vật chất, phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo các quy định hiện hành của Tổng công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, chế độ công tác phí,... Chi phí hoạt động của BKS được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Tổng công ty.

Lương, thù lao và chi phí hoạt động của từng thành viên BKS được chi trả tuân thủ theo quy định của Tổng công ty và đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tiền lương/thù lao kế hoạch và chi phí hoạt động của các thành viên BKS đã bao gồm thuế TNCN phát sinh trong năm 2024 là 1.343 triệu đồng, trong đó chi phí hoạt động là 102 triệu đồng.

## **Phần B: Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2025**

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của BKS theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và nhiệm vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Tiếp tục kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật hiện hành.
- Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ: công tác thực hiện kế hoạch SXKD, công tác đầu tư và các nhiệm vụ trọng tâm.
- Kiểm tra, đánh giá việc xây dựng Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của Tổng công ty.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết và việc bảo toàn vốn đầu tư của Tổng công ty.
- Kiểm tra, xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.

- Đề xuất Đại hội đồng Cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra công tác thực hiện các Quy chế, Quy định của Tổng công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính theo quy định.
- Thực hiện các báo cáo kiểm tra giám sát theo chuyên đề tại các ĐVTV; Phối hợp với các Ban chức năng Tổng công ty thực hiện các đợt kiểm tra tại các đơn vị thành viên theo kế hoạch đã được xây dựng.
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của BKS và Đại hội đồng Cổ đông giao.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

**Nguyễn Thị Nhung**

**Ngô Thị Thu Linh**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu BKS.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

**THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024 SAU KIỂM TOÁN CỦA  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**  
(Kèm theo Báo cáo của Ban kiểm soát  
trình ĐHCĐ thường niên năm 2025)

**I. Đối với BCTC Công ty mẹ:**

**1. Tình hình tài chính tại thời điểm báo cáo**

**\* Bảng tổng hợp:** Tổng hợp, tính toán tỷ trọng các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của tài sản và nguồn vốn, sự thay đổi của các chỉ tiêu tại kỳ báo cáo so với đầu năm:

TÀI SẢN (tỷ đồng)				NGUỒN VỐN (tỷ đồng)			
Diễn giải	Đầu kỳ	Kỳ báo cáo	So sánh (=Kỳ BC/Đầu kỳ)(%)	Diễn giải	Đầu kỳ	Kỳ báo cáo	So sánh (=Kỳ BC/Đầu kỳ) (%)
<b>A. Tài sản NH</b>	<b>2.745,07</b>	<b>2.421,03</b>	<b>88,20%</b>	<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>3.411,99</b>	<b>3.521,68</b>	<b>103,21%</b>
1. Tiền và TĐ tiền	328,65	293,23	89,22%	<b>1. Nợ ngắn hạn</b>	<b>1.524,56</b>	<b>1.441,35</b>	<b>94,54%</b>
2. Đầu tư TCNH	1.746,30	1.337,84	76,61%	1.1. Vay ngắn hạn	682,68	533,76	78,19%
3. Phải thu ngắn hạn	586,58	668,72	114,00%	1.2. Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả khác	380,53	448,40	117,83%
4. Trích lập DP phải thu NH khó đòi	-	-	-	1.3. Thuế và các khoản PNNN	20,44	33,87	165,73%
5. Hàng tồn kho	53,71	100,55	187,21%	1.4. Các khoản mục khác	440,91	425,32	96,46%
6. Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	<b>2. Nợ dài hạn</b>	<b>1.887,43</b>	<b>2.080,33</b>	<b>110,22%</b>
7. TS NH khác	29,84	20,70	69,36%	2.1. Vay dài hạn	1.432,94	1.709,04	119,27%
<b>B. Tài sản Dài hạn</b>	<b>6.186,38</b>	<b>7.095,31</b>	<b>114,69%</b>	<b>B. Vốn Chủ SH</b>	<b>5.519,46</b>	<b>5.994,66</b>	<b>108,61%</b>
1. Tài sản cố định	3.620,87	4.271,68	117,97%	1. Vốn góp của Chủ sở hữu	3.236,51	3.560,13	110,00%
2. Tài sản dở dang DH	0,66	2,56	387,20%				
3. Đầu tư tài chính DH	2.427,09	2.658,05	109,52%				
4. Trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(11,99)	-	0,00%	2. Lợi nhuận chưa phân phối	1.417,91	1.348,68	95,12%
5. Phải thu dài hạn	10,87	6,24	57,39%	2.1. LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	681,84	722,51	105,96%
6. Tài sản dài hạn khác	138,88	156,78	112,89%	2.2. LNST chưa PP kỳ này	736,07	626,17	85,07%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>8.931,44</b>	<b>9.516,34</b>	<b>106,55%</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>8.931,44</b>	<b>9.516,34</b>	<b>106,55%</b>

Nhìn chung, tổng tài sản tăng 6,6% so với đầu năm, trong đó chủ yếu là tăng từ TSDH do đầu tư thêm tài sản cố định là tàu biển. Lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ tăng do PVTrans trong kỳ hoạt động hiệu quả, LNST 626 tỷ đồng. Mặt khác tính đến 31/12/2024 Tổng công ty đã phân phối LNST theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên

năm 2024: trích Quỹ ĐTPT 220,82 tỷ đồng; trích Quỹ khen thưởng phúc lợi 36,80 tỷ đồng; trích Quỹ thưởng Ban điều hành 7,36 tỷ đồng và chia cổ tức bằng tiền 3% VDL: 106,80 tỷ đồng. Trong năm 2024 Tổng công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu để phát hành tăng vốn điều lệ 10% theo Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2022 ngày 30/6/2022 để phê duyệt hồ sơ tăng vốn theo phương án chi cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021. Chia cổ tức bằng cổ phiếu 10% VDL theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023 chưa được thực hiện do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp (UBQLV) đang xem xét.

**\* Các chỉ số tài chính**

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ trước	Tại kỳ báo cáo
1	Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)	0,38	0,37
2	Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu (lần)	0,62	0,59
3	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,77	1,61
4	Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	1,80	1,68
5	Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	2,62	2,70
6	ROE (%)	14,1%	10,9%
7	ROA (%)	9,0%	6,8%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS) (%)	22,49%	18,19%

Nhìn chung tất cả các chỉ số tài chính của TCT năm 2024 giảm so với cùng kỳ năm 2023, đặc biệt là chỉ tiêu ROE, ROA và ROS, nhưng hệ số nợ phải trả và khả năng thanh toán tổng quát tốt hơn so với năm 2023.

**\* Phân tích cơ cấu tài sản, nguồn vốn**

**- Công tác quản lý vốn bằng tiền (Tiền mặt, tiền gửi NH kì hạn và tiền gửi NH không kì hạn, tạm ứng):**

Số dư tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2024 là 293 tỷ đồng, bao gồm: Tiền mặt 782 triệu đồng, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn 177 tỷ đồng, các khoản tương đương tiền là: 115 tỷ đồng (là tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại các ngân hàng thương mại được hưởng lãi suất là từ 0,5%/năm đến 4,75%/năm); các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: 1.338 tỷ đồng là tiền gửi kỳ hạn dưới 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại và Công ty tài chính với lãi suất được hưởng từ 4,0%/năm đến 5,8%/năm.

**- Quản lý công nợ phải thu:**

Tổng công ty đang thực hiện quản lý nợ phải thu tuân thủ theo Quy chế quản lý nợ phải thu, phải trả của PVTrans. Dư nợ phải thu tại ngày 31/12/2024 so với đầu năm tăng 4% so với đầu năm 2024, tương ứng tăng 82 tỷ đồng.

**- Quản lý vật tư hàng hóa:**

Số dư hàng tồn kho tại ngày 31/12/2024 là 100,5 tỷ đồng, tăng so với đầu năm 47 tỷ đồng tương ứng tăng 87%.

**- Quản lý hao hụt hàng hóa xăng dầu:**

Thực hiện và tuân thủ theo Quy chế quản lý hao hụt khi có phát sinh.

**- Công tác xử lý hàng hóa thừa/thiếu sau kiểm kê:**

Về cơ bản được theo dõi và hạch toán theo từng đối tượng đúng quy định khi có phát sinh.

**- Quản lý tài sản cố định (Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình):**

▪ Công ty đã mở sổ kế toán theo dõi chi tiết từng loại TSCĐ, định kỳ quý, năm được kiểm tra, phân loại tài sản cơ bản theo quy định hiện hành.

▪ Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2024 là: 6.122 tỷ đồng, bao gồm: Thiết bị dụng cụ quản lý: 15,5 tỷ đồng; Phương tiện vận tải 6.099 tỷ đồng, trong năm đầu tư mới: 1.138 tỷ đồng;

▪ Nguyên giá TSCĐ vô hình là 6,9 tỷ đồng, là phần mềm máy tính và hệ thống mạng.

▪ Giá trị hao mòn lũy kế tại 31/12/2024 của TSCĐ hữu hình là: 1.851 tỷ đồng và TSCĐ vô hình là 6,2 tỷ đồng. Công ty quản lý và trích khấu hao TSCĐ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

▪ Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, TCT đã thế chấp một số phương tiện vận tải của TCT với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 6.097 tỷ đồng và 4.267 tỷ đồng để đảm bảo cho các khoản vay của TCT.

▪ Thiết bị văn phòng và tài sản vô hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá lần lượt là 19,8 tỷ đồng và 5,7 tỷ đồng

**- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

Số dư tại ngày 31/12/2024 là: 2,6 tỷ đồng.

**- Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:**

PVTrans không đầu tư vào các lĩnh vực khác như tài chính, ngân hàng, bất động sản, chứng khoán. Cụ thể tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp như sau:

*Đvt: tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2024	% năm giữ tại ngày 31/12/2024	Dự phòng đã trích tại ngày 31/12/2024	Cổ tức phải trả cho Công ty Mẹ năm 2024	Kết quả hoạt động SXKD năm 2024	
						Doanh thu & thu nhập	LNST
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>	<b>2.515,11</b>		-	<b>71</b>	<b>11.131</b>	<b>929</b>
1	Công ty CP VTDK Thái Bình Dương	612,00	64,92%	-	49	1.853	207
2	Công ty CP VTXD Phương Nam	405,63	69,63%	-	0	1.418	104
3	Công ty CP Vận tải Nhật Việt	391,49	51,00%	-	0	2.592	187
4	Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	338,68	67,98%	-	0	2.294	101
5	Công ty CP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	336,35	51,87%	-	22	1.552	224
6	Công ty CP Hàng hải Thăng Long	230,88	99,85%	-	0	444	23
7	Công ty CP VTDK Hà Nội	107,80	50,50%	-	0	484	55
8	Công ty CP VTDK Đông Dương	84,68	54,08%	-	0	306	24

STT	Chỉ tiêu	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2024	% năm giữ tại ngày 31/12/2024	Dự phòng đã trích tại ngày 31/12/2024	Cổ tức phải trả cho Công ty Mẹ	Kết quả hoạt động SXKD năm 2024	
						Doanh thu	LNST
9	Công ty CP VTĐK Quảng Ngãi	7,60	50,67%	-	0	188	4
<b>II</b>	<b>Công ty liên kết</b>	<b>97,00</b>	<b>-</b>		<b>19</b>	<b>1.247</b>	<b>35</b>
1	CTCP Dịch vụ KTDK PTSC	97,00	48,50%	-	19	1.247	35
<b>III</b>	<b>Đầu tư tài chính khác</b>	<b>45,94</b>			<b>5</b>		
1	Công ty TNHH PV Keez Pte	45,94		-	5		

Về tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn góp của PVTrans trong năm 2024, bằng sự nỗ lực cố gắng của Đơn vị và sự chỉ đạo sát sao của Tổng công ty nên trong năm 2024 đã không có doanh nghiệp nào bị thua lỗ, nhiều đơn vị có kết quả SXKD tốt như: Công ty CP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt; CTCP VTĐK Thái Bình Dương; CTCP VT Nhật Việt; Công ty CP VTĐK Phương Nam; Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế

**- Quản lý công nợ phải trả (Vay ngắn hạn, vay dài hạn, khác):**

Tổng nợ phải trả của TCT tại 31/12/2024: 3.521 tỷ đồng, trong đó: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: 533 tỷ đồng ; Vay dài hạn: 1.709 tỷ đồng; Nợ phải trả người bán ngắn hạn: 326 tỷ đồng, công nợ phải trả khác: 953 tỷ đồng.

**- Quản lý các khoản bảo lãnh, ủy thác: Không có**

**- Trích lập dự phòng:**

Tại ngày 31/12/2024, TCT không có khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính. Đối với khoản trích lập dự phòng công nợ phải thu ngắn hạn khó đòi: 86,9 tỷ đồng, trong đó phải thu khó đòi của Bà Huỳnh Thị Huyền Như là: 73 tỷ đồng từ năm 2012 và các đối tượng khác: 13,8 tỷ đồng.

**- Nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước:**

Trong năm 2024, Tổng công ty đã nộp thuế các loại vào NSNN là 244 tỷ đồng. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN đến 31/12/2024 là 33,8 tỷ đồng. Công ty kê khai thuế và nộp các khoản phải nộp vào NSNN các loại thuế cơ bản theo quy định.

**- Phân phối lợi nhuận và việc trích lập/sử dụng các quỹ:**

Trong năm 2024, Tổng công ty đã trích lập các quỹ theo quy định sau khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua, Tổng công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10% VDL theo Nghị quyết số 01/NQ-VTĐK-ĐHĐCĐ2022 ngày 30/6/2022 và chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 3% VDL theo Nghị quyết số 01-2024/ NQ-VTĐK-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024.

**- Các vấn đề khác: Không có**

**2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ**

Diễn giải	Kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	So sánh tăng/giảm	
			Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu thuần bán hàng	3.442,77	3.272,72	170,05	5,20
2. Giá vốn hàng bán	2.624,61	2.531,00	93,61	3,70

Diễn giải	Kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	So sánh tăng/giảm	
			Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
3. Lãi gộp	818,16	741,72	76,44	10,31
4. Doanh thu tài chính	191,50	320,55	-129,05	-40,26
5. Chi phí tài chính	154,27	73,70	80,56	109,31
<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	<i>126,28</i>	<i>75,90</i>	<i>50,38</i>	<i>66,37</i>
6. Chi phí bán hàng	-	-	-	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	126,71	124,79	1,92	1,54
8. Thu nhập khác	31,91	21,33	10,57	49,56
9. Chi phí khác	0,38	0,66	-0,28	-42,11
<b>10. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>760,20</b>	<b>884,45</b>	<b>-124,25</b>	<b>-14,05</b>
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	125,34	118,15	7,19	6,08
12. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	8,69	30,22	-21,53	-71,25
<b>13. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>626,17</b>	<b>736,07</b>	<b>-109,90</b>	<b>-14,93</b>

- Chỉ tiêu doanh thu thuần từ bán hàng năm 2024 đạt: 3.443 tỷ đồng, tăng 170 tỷ đồng tương đương tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2023.
- Chỉ tiêu doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2024 đạt 191 tỷ đồng, giảm 129 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023, tương ứng tăng 40,26%, nguyên nhân giảm chủ yếu là do trong năm 2024 cổ tức được chia từ các đơn vị thành viên đạt 95 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2023 đạt: 150 tỷ đồng);
- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 760 tỷ đồng, giảm 124 tỷ đồng tương đương giảm 14% so với cùng kỳ năm 2023.
- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 626 tỷ đồng giảm 110 tỷ đồng tương đương giảm 14,% so với cùng kỳ năm 2023.

## II. Đối với BCTC hợp nhất

### 1. Tình hình tài chính tại thời điểm báo cáo

TÀI SẢN (tỷ đồng)				NGUỒN VỐN (tỷ đồng)			
Diễn giải	Đầu kỳ	Kỳ báo cáo	So sánh (=Kỳ BC/Đầu kỳ)(%)	Diễn giải	Đầu kỳ	Kỳ báo cáo	So sánh (=Kỳ BC/Đầu kỳ) (%)
<b>A. Tài sản NH</b>	<b>6.297,47</b>	<b>6.648,00</b>	<b>105,57%</b>	<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>8.459,56</b>	<b>9.468,68</b>	<b>111,93%</b>
1. Tiền và TĐ tiền	979,23	1.152,03	117,65%	<b>1. Nợ ngắn hạn</b>	<b>3.392,21</b>	<b>3.714,30</b>	<b>109,49%</b>
2. Đầu tư TCNH	3.486,47	3.357,28	96,29%	1.1. Vay ngắn hạn	1.387,77	1.488,40	107,25%
3. Phải thu ngắn hạn	1.294,22	1.398,54	108,06%	1.2. Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả khác	1.012,93	1.018,86	100,59%

TÀI SẢN (tỷ đồng)				NGUỒN VỐN (tỷ đồng)			
Diễn giải	Đầu kỳ	Kỳ báo cáo	So sánh (=Kỳ BC/Đầu kỳ)(%)	Diễn giải	Đầu kỳ	Kỳ báo cáo	So sánh (=Kỳ BC/Đầu kỳ) (%)
4. Trích lập DP phải thu NH khó đòi	(99,78)	(86,90)	87,09%	1.3. Thuế và các khoản PNNN	88,46	169,07	191,12%
5. Hàng tồn kho	232,67	331,07	142,30%	1.4. Các khoản mục khác	903,05	1.037,96	114,94%
6. Trích lập dự phòng giám giá hàng tồn kho	-	-	-	<b>2. Nợ dài hạn</b>	<b>5.067,35</b>	<b>5.754,38</b>	<b>113,56%</b>
7. TS NH khác	404,68	495,98	122,56%	2.1. Vay dài hạn	4.540,43	5.375,53	<b>118,39%</b>
<b>B. Tài sản Dài hạn</b>	<b>11.192,48</b>	<b>13.210,15</b>	<b>118,03%</b>	<b>B. Vốn Chủ SH</b>	<b>9.030,39</b>	<b>10.389,47</b>	<b>115,05%</b>
1. Tài sản cố định	10.088,09	12.062,02	119,57%	1. Vốn góp của Chủ sở hữu	3.236,51	3.560,13	110,00%
2. Tài sản dở dang DH (CF XD dở dang)	4,74	7,11	150,07%				
3. Đầu tư tài chính DH	200,85	212,73	105,92%				
4. Trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	2. Lợi nhuận chưa phân phối	1.836,65	1.973,68	107,46%
5. Phải thu dài hạn	161,54	177,41	109,83%	2.1. LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	864,21	880,44	101,88%
6. Tài sản dài hạn khác	737,26	750,88	101,85%	2.2. LNST chưa PP kỳ này	972,44	1.093,23	112,42%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>17.489,95</b>	<b>19.858,15</b>	<b>113,54%</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>17.489,95</b>	<b>19.858,15</b>	<b>113,54%</b>

Nhìn chung, tổng tài sản tăng 13,54% nguyên nhân chủ yếu là tăng từ tài sản dài hạn (tài sản cố định, phải thu dài hạn và đầu tư dài hạn khác). Tổng nguồn vốn tăng tương ứng 13,54% là do nợ vay ngắn hạn và dài hạn của toàn TCT đều tăng do TCT đầu tư TSCĐ, vốn chủ sở hữu tăng 15% do lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 của các đơn vị thành viên đều có kết quả cao hơn năm 2023.

**\* Các chỉ số tài chính**

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ trước	Tại kỳ báo cáo
1	Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)	0,48	0,48
2	Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu (lần)	0,94	0,91
3	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,79	1,70
4	Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	1,86	1,79
5	Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	2,07	2,10
6	ROE (%)	14,3%	15,14%
7	ROA (%)	7,7%	7,87%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS) (%)	12,8%	12,5%



Hệ số nợ phải trả/VCSH của Hợp nhất tại ngày 31/12/2024 nhỏ hơn 1.

Khả năng thanh toán nợ của PVTrans tại 31/12/2024: các chỉ số thanh toán nhanh và hiện thời của PV Trans năm 2024 tuy có thấp hơn cùng kỳ năm 2023 do TCT đầu tư tài sản nhưng vẫn đảm bảo tốt khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả thể hiện qua chỉ số thanh toán nhanh là 1,7 lần. Chỉ số thanh toán tổng quát Hợp nhất là 2,1 lần cao hơn so với năm 2023, ROE, ROA năm 2024 tăng hơn so với cùng kỳ năm 2023, chỉ số ROS năm 2024 thấp hơn năm 2023 không đáng kể.

**\* Phân tích cơ cấu tài sản, nguồn vốn**

**- Công tác quản lý vốn bằng tiền (Tiền mặt, tiền gửi NH kì hạn và tiền gửi NH không kì hạn, tạm ứng):**

Số dư tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2024 là 1.152 tỷ đồng, bao gồm: Tiền mặt 1,9 tỷ đồng; tiền gửi không kỳ hạn: 555,6 tỷ đồng, các khoản tương đương tiền: 594,5 tỷ đồng, tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 01 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại 3.357 tỷ đồng; tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 12 tháng tại các ngân hàng thương mại: 20 tỷ đồng.

**- Quản lý công nợ phải thu**

Nợ phải thu ngắn hạn cuối năm 2024 tăng so đầu năm 117 tỷ đồng, trong đó nợ phải thu của khách hàng tăng 135 tỷ đồng; phải thu ngắn hạn khác giảm 42 tỷ đồng so với đầu năm 2024.

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: 87 tỷ đồng, giảm 13 tỷ đồng so với đầu năm 2024.

**- Quản lý vật tư hàng hóa**

Số dư hàng tồn kho tại ngày 31/12/2024 là 331 tỷ đồng, tăng 98 tỷ đồng so với đầu năm 2024 bao gồm: Nguyên vật liệu chủ yếu là nhiên liệu (DO, FO), dầu nhờn (LO) và vật tư phụ tùng thiết yếu còn tồn trên các phương tiện vận tải

**- Quản lý hao hụt hàng hóa xăng dầu:** Không có.

**- Công tác xử lý hàng hóa thừa/thiếu sau kiểm kê:** Không có.

**- Quản lý tài sản cố định (Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình):**

▪ Công ty đã mở sổ kế toán theo dõi chi tiết từng loại TSCĐ, cuối năm được kiểm tra, phân loại tài sản cơ bản theo quy định hiện hành.

▪ Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2024 là 19.816 tỷ đồng, bao gồm: Thiết bị dụng cụ quản lý ; Phương tiện vận tải và Máy móc thiết bị; Nhà cửa, vật kiến trúc.

▪ Nguyên giá TSCĐ vô hình là 11,1 tỷ đồng, là phần mềm máy tính và hệ thống mạng.

▪ Giá trị hao mòn lũy kế tại 31/12/2024 của TSCĐ hữu hình là 7.756 tỷ đồng và TSCĐ vô hình là 9,2 tỷ đồng. Tổng Công ty quản lý và trích khấu hao TSCĐ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

**- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

Số dư tại ngày 31/12/2024 là 7,1 tỷ đồng, tăng 2,4 tỷ đồng so với đầu năm 2024 chủ yếu phát sinh tại các ĐVTV về chi phí sửa chữa tàu.

**- Quản lý công nợ phải trả (Vay ngắn hạn, vay dài hạn, khác):**

Tổng nợ phải trả toàn TCT tại ngày 31/12/2024 là: 9.468 tỷ đồng, tăng 1.009 tỷ đồng so với đầu năm 2024. Trong đó vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là 1.488 tỷ đồng; Vay và nợ thuê tài chính dài hạn 4.540 tỷ đồng và các khoản nợ phải trả khác là: 5.375 tỷ đồng.

Theo báo cáo của PVTrans thì TCT có khả năng thanh toán toàn bộ số công nợ phải trả tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2024.

- **Quản lý các khoản bảo lãnh, ủy thác:** Không có.

- **Trích lập dự phòng**

Dự phòng phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 là: 286 tỷ đồng và dự phòng phải trả dài hạn là 69 tỷ đồng chủ yếu chi phí dự phòng sửa chữa định kỳ các tàu của Tổng công ty và đơn vị thành viên.

- **Nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước:**

Trong năm 2024, Tổng công ty đã nộp thuế các loại vào NSNN là 564 tỷ đồng. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN đến 31/12/2024 là 169 tỷ đồng. Tổng công ty và các đơn vị thành viên thực hiện kê khai thuế và nộp các khoản phải nộp vào NSNN các loại thuế cơ bản theo quy định.

- **Phân phối lợi nhuận và việc trích lập/sử dụng các quỹ**

Trong năm 2024, Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã trích lập các quỹ, chia cổ tức bằng tiền theo quy định sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

- **Các vấn đề khác:** Không có.

**2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của BCTC Hợp nhất:**

Diễn giải	Kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	So sánh tăng/giảm	
			Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu thuần bán hàng	11.732,15	9.555,98	2.176,17	22,77
2. Giá vốn hàng bán	9.288,35	7.717,48	1.570,86	20,35
<b>3. Lãi gộp</b>	<b>2.443,80</b>	<b>1.838,50</b>	<b>605,31</b>	<b>32,92</b>
4. Doanh thu tài chính	306,62	370,99	-64,37	-17,35
5. Chi phí tài chính	574,08	466,30	107,78	23,11
<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	<i>417,71</i>	<i>355,22</i>	<i>62,50</i>	<i>17,59</i>
6. Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	16,99	26,42	-9,42	-35,68
7. Chi phí bán hàng	16,59	13,39	3,20	23,90
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	488,80	410,03	78,78	19,21
9. Thu nhập khác	263,76	208,51	55,25	26,50
10. Chi phí khác	83,31	6,08	77,23	1.269,33
<b>11. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.868,39</b>	<b>1.548,61</b>	<b>319,78</b>	<b>20,65</b>
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	396,90	310,11	86,79	27,99

Diễn giải	Kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	So sánh tăng/giảm	
			Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	1,86	17,00	-15,14	-89,07
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>1.469,63</b>	<b>1.221,50</b>	<b>248,13</b>	<b>20,31</b>

Chỉ tiêu doanh thu thuần từ bán hàng năm 2024 đạt 11.732 tỷ đồng, tăng 2.176 tỷ đồng tương đương tăng 23% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó chủ yếu do doanh thu dịch vụ vận tải.

Chỉ tiêu doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2024 đạt 306 tỷ đồng, giảm 64 tỷ đồng tương đương giảm 17% so với cùng kỳ năm 2023, nguyên nhân chủ yếu do lãi tiền gửi trong kỳ năm 2024 giảm nhiều so với cùng kỳ năm 2023.

Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 1.868 tỷ đồng, tăng 319 tỷ đồng tương đương tăng 21% so với cùng kỳ năm 2023;

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 1.470 tỷ đồng tăng 248 tỷ đồng tương đương tăng 20,3% so với cùng kỳ năm 2024;

### III. Các vấn đề cần lưu ý trong công tác quản trị, hạn chế rủi ro (nếu có).

Tình hình kinh tế trong nước và thế giới đang lạm phát ở mức cao, do đó có thể dẫn đến chi phí một số hàng hóa, dịch vụ có rủi ro tăng. Vì vậy, Tổng công ty và các đơn vị cần xem xét các giải pháp để ứng phó kịp thời nhằm giảm thiểu tác động đến hoạt động SXKD của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

### IV. Nhận xét, đánh giá chung

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 của Tổng công ty và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

- Doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2024 của toàn TCT PVTrans đều tăng tương ứng 40% và 97% so với kế hoạch; Doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2024 Công ty mẹ tăng tương ứng là 31% và 36% so với Kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 giao.
- Trong năm 2024, PVPrans đã bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu, thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo toàn vốn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh: Thực hiện đúng chế độ quản lý vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định; Trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định.
- Theo ý kiến của Kiểm toán viên về kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Tổng công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng, hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Tổng công ty.
- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thu thập số liệu để phục vụ cho việc kiểm toán BCTC năm 2024 theo qui định tại Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Ban kiểm soát thống nhất với các ý kiến của kiểm toán viên về kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và báo cáo hợp nhất năm 2024 của Tổng công ty.  
Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí kính báo cáo.